TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 14/9/2023
V/v *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo;

Ông Huỳnh Thái Việt;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Trúc Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Giáp Nguyễn Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 17A/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim C - sinh năm 1964; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

- *Bị đơn:* 1/ Ông Nguyễn Thanh B - sinh năm 1972;

2/ Bà Lê Thị Thúy P - sinh năm 1972;
Cùng trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

(Ông B *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà* P *vắng mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quang T – sinh năm 1986; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2022 (nộp Tòa án ngày 02/8/2022); bản tự khai, biên bản lấy lời khai; đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu*

khởi kiện ngày 07/7/2023 và 11/8/2023; các biên bản hòa giải và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/9/2023, nguyên đơn bà Phan Thị Kim C *trình bày:*

Do quen biết nên vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị Thúy P có mượn của bà và con trai là Nguyễn Quang T một số tiền, cụ thể:

- Vào ngày 01/08/2019, vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị Thúy P mượn của bà và con trai là Nguyễn Quang T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), có làm giấy mượn tiền, thỏa thuận thời gian hoàn trả lại tiền vào ngày 01/10/2019.

- Ngày 02/8/2019 vợ chồng ông B, bà P tiếp tục mượn của bà và ông T số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), có làm giấy mượn tiền, thỏa thuận thời gian hoàn trả lại tiền vào ngày 02/09/2019.

Tổng số tiền vợ chồng ông B và bà P mượn bà và ông T là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng), việc mượn tiền đều làm giấy mượn và có chữ ký xác nhận của ông B, bà P. Tại các giấy mượn tiền tuy không thể hiện tiền lãi nhưng các bên đều thỏa thuận việc trả lãi với lãi suất là 7%/tháng cho cả hai khoản tiền.

Tuy nhiên hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại các giấy mượn tiền nhưng ông B, bà P chỉ trả cho bà, ông T tiền lãi của 02 tháng đầu tiên, cụ thể:

+ 150.000.000 đồng x 7%/tháng x 2 tháng = 21.000.000 đồng

+ 70.000.000 đồng x 7%/tháng x 2 tháng = 9.800.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi đã trả là 30.800.000đ (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Riêng tiền gốc thì chưa trả đồng nào.

Sau đó, dù bà và ông T đòi nợ nhiều lần nhưng ông B, bà P cứ hẹn mãi mà không trả thêm được khoản tiền nào kể cả gốc và lãi.

Tại đơn khởi kiện và trong các lời khai trước đây, bà yêu cầu ông B trả số tiền nợ là 297.848.000đ (hai trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng), nợ lãi 34 (ba mươi bốn) tháng X 1,2%/tháng là 77.848.000đ (bảy mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tại các đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 07/7/2023, ngày 11/8/2023 thì bà C thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Bà C xác định hiện tại tiền nợ gốc mà ông B, bà P còn nợ sau khi trừ đi phần lãi cao hơn quy định mà bà nhận từ ông B, bà P là:

220.000.000 đồng - [30.800.000 đồng - (220.000.000 đồng X 1,66% X 2 tháng)] = 196.504.000 đồng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13/9/2023, bà Phan Thị Kim C yêu cầu ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P phải trả cho bà và ông Nguyễn Quang T số tiền gốc là 196.504.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,2%/tháng tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/8/2022 là 34 tháng, cụ thể: 196.504.000đ x

1,2%/ tháng x 34 tháng = 80.173.632 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bà yêu cầu là: 196.504.000đ + 80.173.632đ = 276.677.632đ (hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng), bà yêu cầu trả một lần và trong thời gian sớm nhất. Đối với số tiền chênh lệch giữa các lần yêu cầu, bà xin rút.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 6 năm 2023; Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 26/6/2023 và tại Biên bản hòa giải ngày 10 tháng 7 năm 2023; bị đơn ông Nguyễn Thanh B *trình bày:*

Về thời gian vay, khoản tiền vay, nghĩa vụ trả nợ ông thống nhất như phần trình bày của bà Phan Thị Kim C. Do quen biết nên bà C cùng con trai là Nguyễn Quang T có cho vợ chồng ông mượn một số tiền cụ thể như sau:

+ Ngày 01/8/2019, vợ chồng ông mượn bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), hạn trả là 01/10/2019.

+ Ngày 02/8/2019, vợ chồng ông mượn bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), hạn trả là 02/9/2019.

Tổng cộng vợ chồng ông mượn của bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Tất cả số tiền vay đều được thể hiện tại Hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2019, hợp đồng cho vay ngày 02/8/2019, do vợ ông là bà Lê Thị Thúy P viết tay, có xác nhận và chữ ký của vợ chồng ông và bà C, ông T. Toàn bộ số nợ này là tiền gốc chứ không có lãi, là khoản nợ của vợ chồng ông, ông cùng vợ trả nợ cho bà C, ông T.

Theo thỏa thuận thì thời hạn vợ chồng ông sẽ trả tiền nợ của hợp đồng cho vay ngày 01/8/2019 vào ngày 01/10/2019 và trả tiền nợ của hợp đồng cho vay ngày 02/8/2019 sẽ trả vào ngày 02/9/2019.

Khi vay, các bên có thỏa thuận trả lãi 02 khoản tiền trên với lãi suất 7%/ tháng, vợ chồng ông đã trả được 02 tháng là 30.800.000đ (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Đến thời hạn của hai hợp đồng trên do cả hai vợ chồng ông đều bệnh, gia đình gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho bà C, ông T được. Đến nay, ông B xác nhận ông và bà P còn nợ bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T số tiền gốc là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Bà Phan Thị Kim C trình bày vợ chồng ông còn nợ bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T số tiền nợ là 300.173.632 đồng gồm nợ gốc là 196.504.000 đồng và nợ lãi của 34 tháng là 80.173.632 đồng; ông thống nhất số nợ này. Bà C chỉ yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) trả một lần và trong thời gian sớm nhất; ông cũng đồng ý trả hết toàn bộ số nợ này theo yêu cầu của bà C nhưng do hiện vợ chồng ông đều bệnh nặng, không thể làm ăn gì được, gia đình đang vô cùng khó khăn nên ông xin bà C cho

vợ chồng ông hẹn một thời gian nữa, khi nào vợ chồng ông có tiền sẽ trả nợ cho bà C, ông T.

** Tại bản tự khai ngày 07/7/2023, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 10/7/2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/9/2023; ông* Nguyễn Quang T *trình bày:*

Ông T thống nhất đối với nội dung trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, bà Phan Thị Kim C. Ông và bà Phan Thị Kim C có quan hệ mẹ con, do mẹ ông có quen vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P nên ông và mẹ có cho ông B, bà P mượn một số tiền, cụ thể:

- Ngày 01/08/2019, vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P mượn ông và bà C số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), có làm giấy muợn tiền, thỏa thuận thời gian hoàn trả lại tiền vào ngày 01/10/2019.

- Ngày 02/8/2019 vợ chồng ông B, bà P tiếp tục mượn ông và bà C số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), có làm giấy muợn tiền, thỏa thuận thời gian hoàn trả lại tiền vào ngày 02/09/2019.

Tổng số tiền mà vợ chồng ông B, bà P mượn ông, bà C là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng), việc mượn tiền đều làm giấy mượn và có chữ ký xác nhận của ông B, bà P. Tại các giấy mượn tiền tuy không thể hiện tiền lãi nhưng các bên đều thỏa thuận việc trả lãi với lãi suất là 7%/tháng cho cả hai khoản tiền.

Sau đó ông B, bà P trả cho ông, bà C tiền lãi của 02 tháng đầu tiên, cụ thể: 220.000.000đ x 2 tháng x 7% = 30.800.000đ (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng) rồi không trả thêm khoản tiền nào nữa. Mặc dù ông và bà C đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông B, bà P cứ hẹn mãi mà không trả được khoản tiền nào kể cả gốc và lãi.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Quang T cũng thống nhất với việc bà Phan Thị Kim C yêu cầu ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P trả cho bà C và ông một lần toàn bộ số tiền nợ là 276.677.632đ (hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) gồm tiền gốc: 196.504.000 đồng và tiền lãi 34 tháng (tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/8/2022) với lãi suất 1,2%/ tháng là: 196.504.000đ x 1,2% x 34 tháng = 80.173.632 đồng.

** Đối với bị đơn bà* Lê Thị Thúy P*:* Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P theo quy định của pháp luật, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để bà P thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Kim C. Đối với số tiền chênh lệch do nguyên đơn rút tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị Kim C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P phải trả tiền còn nợ cho bà và ông Nguyễn Quang T; bị đơn ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P có nơi cư trú là Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểu a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Nguyên đơn bà Phan Thị Kim C, bị đơn đơn ông Nguyễn Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Lê Thị Thúy P đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P, ông Nguyễn Quang T.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Phan Thị Kim C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P phải trả cho bà, ông Nguyễn Quang T một lần toàn bộ số tiền nợ là 276.677.632đ (hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) gồm tiền gốc là 196.504.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng) và tiền lãi là 80.173.632đ (tám mươi triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2019, hợp đồng cho vay ngày 02/8/2019 mà các bên đã ký.

[2.1] Xét yêu cầu tiền nợ gốc: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ gồm Hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2019, hợp đồng cho vay ngày 02/8/2019 mà nguyên đơn cung cấp đã được bị đơn ông Nguyễn Thanh B thừa nhận do vợ ông là bà Lê Thị Thúy P tự viết, có chữ ký xác nhận của ông, bà P và căn cứ các biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 6 năm 2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày

26/6/2023; biên bản hòa giải ngày 10 tháng 7 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Thanh B cũng thống nhất với phần trình bày của bà Phan Thị Kim C về thời gian vay, khoản tiền vay, nghĩa vụ trả nợ; ông xác định ông và vợ là bà Lê Thị Thúy P có mượn tiền của bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T đúng như trình bày của bà C, do gặp nhiều khó khăn nên đến hẹn trả như cam kết ông, bà P chưa trả được nợ cho bà C, ông T được nên hiện tại ông, bà P còn nợ số tiền nợ như bà C, ông T trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên có đủ căn cứ kết luận: Ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P có vay và hiện còn nợ bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T số tiền nợ gốc là 196.504.000 đồng. Tại thời điểm xác lập hợp đồng, các bên đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc vay tiền trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Như vậy, giữa bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T và ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P có xác lập với nhau giao dịch dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang T thống nhất với nội dung khởi kiện và yêu cầu của bà Phan Thị Kim C. Thống nhất với nội dung bà C yêu cầu ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P phải trả cho bà C và ông một lần toàn bộ số tiền nợ là 276.677.632đ (hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) gồm tiền gốc là 196.504.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng) và tiền lãi là 80.173.632đ (tám mươi triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Như vậy, việc ông B, bà P không trả tiền cho bà C, ông T theo như thời hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng vay tiền đã vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về vay tài sản; nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời gây khó khăn cho bà C, ông T trong việc thu hồi vốn cho vay, ảnh hưởng quyền lợi của bà C, ông T nên việc nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu ông B, bà P trả tiền nợ gốc cho bà, ông T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Phan Thị Kim C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P trả tiền lãi trên số nợ gốc tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/8/2022 là 34 (ba mươi bốn) tháng với mức lãi suất 1,2%/tháng, cụ thể:

196.504.000 đồng x 1,2%/ tháng x 34 tháng = 80.173.632đ (tám mươi triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2019, hợp đồng cho vay ngày 02/8/2019 tuy không thể hiện nội dung về việc trả tiền lãi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đều xác nhận khi vay tiền có thỏa thuận trả tiền lãi với lãi suất là 7%/tháng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được 02 (hai) tháng tiền lãi. Bà C chỉ yêu cầu ông B, bà P trả cho bà, ông T tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất là 1,2%/ tháng, ông B cũng

thống nhất và đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,2 %/tháng trên số nợ gốc là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[2.3] Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P phải trả cho bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T một lần toàn bộ số tiền nợ là 276.677.632đ (hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) gồm nợ gốc là 196.504.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng) và tiền lãi 34 tháng (tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/8/2022) là 80.173.632đ (tám mươi triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

[3] Xét yêu cầu của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn và Lê Thị Thúy P vẫn không có mặt ở Tòa án để giải quyết cũng như có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà C. Tại các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh B thống nhất số nợ và đồng ý trả số tiền nợ gồm gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng do khó khăn nên xin hẹn một thời gian nữa, khi nào có tiền sẽ trả nợ cho bà C, ông T. Tuy nhiên, việc ông B đề nghị không được bà C, ông T đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Xét việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 07/7/2023; bà Phan Thị Kim C yêu cầu ông B, bà P phải trả cho bà và ông T số tiền nợ là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 11/8/2023; bà C tiếp tục thay đổi yêu cầu, bà C xác định số nợ gốc mà ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P còn nợ bà và ông Nguyễn Quang T là 196.504.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng), bà yêu cầu ông B, bà P trả số tiền gốc là 196.504.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng) và tiền lãi của 34 tháng (từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/8/2022) là 80.173.632 đ (tám mươi triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng). Tổng cộng gốc và lãi bà yêu cầu là 276.677.632đ (hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng); đối với số tiền chênh lệch giữa các lần yêu cầu, bà xin rút yêu cầu. Việc rút 01 phần yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà Phan Thị Kim C được chấp nhận nên bà C không chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, án phí, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Kim C.

Buộc ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P phải trả cho bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Quang T một lần toàn bộ số tiền còn nợ là 276.677.632đ (hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) gồm tiền gốc là 196.504.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng) và tiền lãi là 80.173.632đ (tám mươi triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Phan Thị Kim C về việc buộc ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P trả số 23.322.368đ (hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.833.881đ (mười ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn tám trăm tám mươi mốt đồng).

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.446.000đ (bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001783 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

4. Quyền kháng cáo của bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị Thúy P, ông Nguyễn Quang T là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh pHòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Nhật Hoàng